BIỂU HIỆN NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ CẢM XÚC VÀ PHÁN XÉT HÀNH VI TRONG PHÓNG SỰ CỦA NHÀ BÁO ĐỖ DOÃN HOÀNG (KHẢO SÁT QUA TẬP PHÓNG SỰ "ĐI HOANG QUA MIỀN HOA LỆ")

NGUYỄN THỊ BÉ - TRẦN VĂN SÁNG

Tóm tắt: Bài viết vận dụng khung lý thuyết Ngôn ngữ đánh giá (Appraisal Theory) của Martin & White (2005) để khảo sát và phân tích đặc điểm hai phương diện Cảm xúc (Affect) và Phán xét hành vi (Judgement) - thuộc hệ thống Thái độ (Attitude) - trong ba nhóm bài phóng sự tiêu biểu của nhà báo Đỗ Doãn Hoàng, trích từ tập sách "Đi hoang qua miền hoa lệ" (2021). Bằng cách kết hợp phương pháp phân tích diễn ngôn dựa trên ngữ liệu với kĩ thuật thống kê mô tả định tính và định lượng, nghiên cứu chỉ ra rằng: (1) nguồn lực NNĐG hiển ngôn trong phóng sự của Đỗ Doãn Hoàng tập trung chủ yếu ở tính từ và động từ, bên cạnh các lớp từ đặc thù gồm tiếng lóng, thành ngữ và từ xưng hô; (2) trong bình diện Cảm xúc, nhóm ngôn ngữ biểu đạt trạng thái thiếu an toàn chiếm ưu thế tuyệt đối; (3) trong bình diện Phán xét hành vi, ngôn ngữ phán xét về đạo đức xuất hiện nhiều nhất, với phân cực tiêu cực gấp ba lần phân cực tích cực. Kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ chiến lược xây dựng thái độ và lập trường của nhà báo trong thể loại phóng sự điều tra, đồng thời cung cấp thêm dữ liệu cho hướng nghiên cứu ngôn ngữ học chức năng ứng dụng vào diễn ngôn báo chí tiếng Việt.

Từ khóa: Appraisal; Cảm xúc; Phán xét hành vi; Phóng sự báo chí; Đỗ Doãn Hoàng; Ngôn ngữ chức năng hệ thống

AFFECT AND JUDGEMENT IN VIETNAMESE INVESTIGATIVE REPORTING: AN APPRAISAL ANALYSIS OF DO DOAN HOANG'S JOURNALISM

Abstract: Grounded in Martin & White's (2005) Appraisal Theory within the framework of Systemic Functional Linguistics, this article investigates the linguistic resources realizing Affect and Judgement, two subsystems of Attitude, in three thematically representative groups of feature articles by Vietnamese journalist Do Doan Hoang, drawn from his collection "Di hoang qua mien hoa le" [Wandering Through the Splendid Land] (2021). Integrating corpus-based discourse analysis with qualitative and quantitative descriptive techniques, the study demonstrates that: (1) inscribed appraisal resources in Do Doan Hoang's reportage are primarily realized through adjectives and verbs, supplemented by lexically specific layers including slang, idioms, and address forms; (2) within Affect, expressions of Insecurity dominate, realizing overwhelmingly negative affect; and (3) within Judgement, evaluations of Propriety are most frequent, with negative moral judgements occurring three times more often than positive ones. These findings illuminate the journalist's stance-construction strategies in investigative journalism and contribute empirical data to the emerging field of Appraisal-based analysis of Vietnamese media discourse.

Keywords: Appraisal Theory; Affect; Judgement; Vietnamese investigative journalism; Do Doan Hoang; Systemic Functional Linguistics

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cách tiếp cận của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics - SFL), Khung ngôn ngữ đánh giá (Appraisal) được xem là một khung phân tích trọng yếu nhằm mô tả các nguồn lực ngôn ngữ mà người nói hoặc người viết sử dụng để biểu đạt thái độ, định vị lập trường và điều chỉnh mức độ cam kết đối với các phát ngôn trong diễn ngôn. Được Martin & White (2005) phát triển trên nền tảng lý thuyết liên nhân của Halliday, khung Appraisal đã mở rộng đáng kể phạm vi nghiên cứu ý nghĩa liên nhân trong phân tích diễn ngôn, đặc biệt trong việc lý giải cách thức các chủ thể giao tiếp kiến tạo và thương lượng lập trường trong các bối cảnh xã hội cụ thể.

Trong thực tiễn nghiên cứu quốc tế, Appraisal đã được vận dụng để phân tích ngôn ngữ đánh giá trong nhiều loại diễn ngôn khác nhau, từ diễn ngôn báo chí (White, 2025; Li & Wang, 2025), diễn ngôn giáo dục (Martin & Rose, 2005; Hood, 2004) đến diễn ngôn học thuật và chính trị. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc ứng dụng lý thuyết này vào phân tích diễn ngôn tiếng Việt, đặc biệt là diễn ngôn báo chí, vẫn còn ở giai đoạn khai mở đường hướng tiếp cận chức năng (Ngô T.B.T., 2013; Nguyễn Thị Hương Lan, 2018; Trần Văn Sáng & Vũ Thị Thúy Hòa, 2024).

Về đối tượng nghiên cứu, nhà báo Đỗ Doãn Hoàng là một trong những cây bút điều tra nổi bật nhất của báo chí Việt Nam đương đại, với phong cách viết đặc trưng: dấn thân sâu vào hiện thực, giọng kể giàu cảm xúc và không né tránh những vấn đề xã hội gai góc. Tập phóng sự "Đi

hoang qua miền hoa lệ" (2021) tập hợp những bài viết điều tra về các "góc khuất" của đời sống đô thị, từ người vô gia cư, nạn mại dâm sinh viên đến bi kịch người lao động ở hầm vàng - những chủ đề chứa đựng mật độ cao các đánh giá về con người và xã hội đương thời.

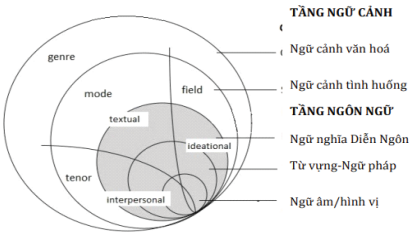
Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát phương diện Cảm xúc (Affect) và Phán xét hành vi (Judgement) của khung đánh giá Thái độ (Attitude) theo quan điểm Martin & White (2005) qua các nguồn lực đánh giá biểu thị hiển ngôn (Inscribed Attitude) trong phóng sự của Đỗ Doãn Hoàng. Bài viết chưa đi vào phân tích nguồn lực đánh giá và ngôn ngữ biểu đạt nghĩa Đánh giá sự vật hiện tượng (Appreciation), hệ thống Thang độ (Graduation) và Giọng điệu (Engagement). Chúng tôi cũng đã có dịp công bố những nghiên cứu bước đầu về việc vận dụng lí thuyết Ngôn ngữ đánh giá trong việc xây dựng hệ thống bài tập đọc hiểu cho học sinh tiểu học (Trần Văn Sáng, 2024) và vào phân tích đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp (Trần Văn Sáng, Vũ Thị Thúy Hòa, 2024) từ tiêu chí đánh giá Thái độ và Thang độ. Từ những công bố bước đầu này, chúng tôi nhận thấy việc dùng lí thuyết Ngôn ngữ đánh giá vào phân tích diễn ngôn tiếng Việt gắn với thể loại là có tính khả thi và mang lại nhiều lợi ích trong nghiên cứu và giảng dạy.

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra trong bài viết này là: (1) Những nguồn lực ngôn ngữ nào được Đỗ Doãn Hoàng sử dụng để hiện thực hóa ý nghĩa đánh giá Cảm xúc và Phán xét hành vi trong phóng sự? (2) Sự phân bố và phân cực của các giá trị đánh giá này phản ánh điều gì về lập trường và chiến lược diễn ngôn của nhà báo?

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khung ngôn ngữ đánh giá Appraisal và hệ thống Thái độ

Lý thuyết đánh giá được Martin và các cộng sự (Martin, 2000; Martin & Rose, 2007; Martin & White, 2005) xác lập vị trí thuộc tầng ngữ nghĩa diễn ngôn, thực hiện chức năng liên nhân (trong hệ thống ba siêu chức năng của Halliday đề xuất).



Sơ đồ 1. Các tầng ngôn ngữ và các siêu chức năng của ngôn ngữ

(Phỏng theo Rose & Martin, 2007)

Theo sơ đồ trên, NNĐG liên quan đến chức năng liên nhân /nghĩa đánh giá. Cả ngữ pháp - từ vựng và ngữ nghĩa diễn ngôn góp phần tạo nên các tầng nghĩa cho văn bản.

Theo Martin & White (2005, tr.35), hệ thống Appraisal tổ chức các nguồn lực ngôn ngữ biểu đạt ý nghĩa đánh giá thành ba hệ thống liên kết: Thái độ (Attitude), Thang độ (Graduation) và Giọng điệu (Engagement). Ba hệ thống này phối hợp với nhau để tạo nên mạng lưới đánh giá trong diễn ngôn.

Hệ thống Thái độ (Attitude) - đối tượng nghiên cứu của bài này - liên quan đến việc biểu đạt các giá trị đánh giá trực tiếp về con người, sự vật, hành vi và hiện tượng. Hệ thống này được phân chia thành ba tiểu hệ thống: (a) *Cảm xúc (Affect)*: biểu đạt các phản ứng cảm xúc của người tham gia giao tiếp đối với các sự kiện, hành động, hiện tượng; (b) *Phán xét hành vi (Judgement)*: đánh giá

hành vi và phẩm chất của con người theo các chuẩn mực xã hội và đạo đức; (c) *Đánh giá sự vật hiện tượng (Appreciation)*: đánh giá giá trị, chất lượng thẩm mỹ của các sự vật, hiện tượng và quá trình.

Trong mỗi tiểu hệ thống, các đánh giá có thể được biểu đạt theo hai phân cực: tích cực (+) và tiêu cực (-). Ngoài ra, đánh giá có thể là hiển ngôn (inscribed) - khi ý nghĩa đánh giá được mã hóa trực tiếp trong đơn vị ngôn ngữ - hoặc hàm ngôn (evoked/invoked) - khi ý nghĩa đánh giá chỉ được suy ra qua ngữ cảnh hoặc liên văn bản. Bài viết này giới hạn ở phân tích thái độ hiển ngôn.

2.2. Hệ thống Cảm xúc (Affect)

Martin & White (2005, tr.48-52) phân chia Affect thành bốn miền ý nghĩa cảm xúc, mỗi miền có thể biểu đạt giá trị tích cực hoặc tiêu cực:

Bảng 1. Các miền ý nghĩa trong hệ thống Cảm xúc (Affect) theo Martin & White (2005)

Miền Cảm xúc	Phân cực (+)	Phân cực (-)
Mong muốn (Desire)	Ao ước, hy vọng, khát khao	Chán nản, thất vọng, tuyệt vọng
Hạnh phúc (Happiness)	Vui vẻ, hạnh phúc, mãn nguyện	Buồn tủi, khổ nhục, đau khổ
An toàn (Security)	Yên tâm, tin tưởng, bình yên	Sợ hãi, hoảng loạn, lo âu
Thỏa mãn (Satisfaction)	Hài lòng, thích thú, phấn khởi	Tức giận, bực bội, uất hận

2.3. Hệ thống Phán xét hành vi (Judgement)

Martin & White (2005, tr.52-57) phân biệt hai loại Phán xét: (a) Phán xét xã hội (Social Esteem): liên quan đến việc đánh giá con người theo chuẩn mực xã hội thông thường, gồm ba nhóm: Tính thông thường (Normality), Khả năng (Capacity) và Kiên trì (Tenacity); (b) Phán xét xã hội (Social Sanction): liên quan đến việc đánh giá theo chuẩn mực đạo đức và pháp lý, gồm hai nhóm: Tính thành thật (Veracity) và Đạo đức (Propriety). Sự phân chia này có ý nghĩa quan trọng: các phán xét Sanction mang hàm lượng đánh giá đạo đức-xã hội nặng hơn và thường gắn với khen thưởng hoặc lên án trong công luận.

2.4. Phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và ngữ liệu

- *Phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận:* Nghiên cứu theo phương pháp phân tích diễn ngôn dựa trên ngôn ngữ khối liệu/ ngữ liệu (corpus-informed discourse analysis), kết hợp thống kê mô tả định lượng với phân tích định tính theo khung Appraisal.

- *Ngữ liệu:* Ba nhóm bài phóng sự trong "Đi hoang qua miền hoa lệ", tập 1 (Đỗ Doãn Hoàng, 2021): (1) "Vô gia cư trên đất thánh Hà Nội" (kí hiệu: PS-VGC, khoảng 8.500 từ); (2) "Xâm nhập thế giới ngầm gái gọi sinh viên" (kí hiệu: PS-GG, khoảng 7.200 từ); (3) "Nô lệ thời mới ở hầm vàng" (kí hiệu: PS-NL, khoảng 9.100 từ). Tổng cộng khoảng 24.800 từ.

- *Quy trình phân tích:* (1) Đọc toàn văn và đánh dấu tất cả đơn vị ngôn ngữ mang dấu hiệu đánh giá Thái độ hiển ngôn; (2) Phân loại theo khung Martin & White (2005) vào các tiểu hệ thống và phân cực; (3) Kiểm tra chéo (cross-check) bởi hai người phân tích độc lập cho mẫu ngẫu nhiên 30% dữ liệu để đảm bảo độ tin cậy; (4) Thống kê tần suất và tỉ lệ phân bố.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Các phương tiện ngôn ngữ hiện thực hóa ý nghĩa Thái độ hiển ngôn

3.1.1.1. Phân tích theo cấp độ từ loại

Khảo sát 117 đơn vị từ vựng đảm nhiệm chức năng NNĐG Thái độ hiển ngôn trong ba nhóm bài phóng sự cho thấy sự phân bố sau:

Bảng 2. Phân bố từ loại trong nguồn lực NNĐG Thái độ hiển ngôn

Từ loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ví dụ tiêu biểu
Tính từ	60	51,3	bé mọn, nhầy nhụa, tàn nhẫn, khốn khổ
Động từ	30	25,6	thú nhận, hãm hiếp, bóc lột, tra tấn
Danh từ	15	12,8	địa ngục, cạm bẫy, góc khuất, tủi nhục
Phó từ	12	10,3	vô cùng, tột độ, cực kỳ, hết sức
Tổng	117	100,0	

Tính từ chiếm tỉ lệ cao nhất (51,3%) phản ánh đặc trưng của thể loại phóng sự điều tra: người viết cần dùng các đơn vị mang ý nghĩa phẩm chất để đánh giá và miêu tả trực tiếp các đối tượng được khảo sát. Động từ đứng thứ hai (25,6%), tập trung vào các quá trình hành vi mang tính đánh giá như "thú nhận" (hàm ý người nói ý thức về tính sai trái của hành vi), "bóc lột" (hàm ý đánh giá tiêu cực về quan hệ quyền lực). Danh từ và phó từ bổ sung thêm các lớp đánh giá về bản chất sự vật ("địa ngục", "cạm bẫy") và cường độ đánh giá ("vô cùng", "tột độ").

Xét ví dụ điển hình về tính từ đánh giá: *[VD1] "Bên này đường ngang là cái lều tạm bợ của bà. Bên kia đường ngang là cái lều tạm bợ của ông. Tất cả đều vá víu, rách nát, bé mọn như chính cuộc đời họ." (PS-VGC, tr.29)*

Ba tính từ "vá víu", "rách nát", "bé mọn" xuất hiện trong chuỗi liệt kê tăng tiến, đặt sau so sánh "như chính cuộc đời họ" - phép so sánh này biến đặc điểm vật chất thành phán xét về thân phận con người. Đây là dạng Inscribed negative Affect kết hợp với Inscribed negative Judgement of Normality. Nhà báo không phán xét trực tiếp mà để ngôn ngữ miêu tả vật chất gánh chức năng đánh giá - một chiến lược diễn ngôn tinh vi và hiệu quả.

Xét ví dụ về động từ đánh giá:

[VD2] "Chị thú nhận cả lối sống trâng tráo bấy lâu nay: 'Đời lang thang dạy mình phải dám tắm truồng ở bãi xe Long Biên...'"(PS-VGC, tr.18)

Động từ "thú nhận" định vị lập trường của người kể về hành vi được đề cập: nó hàm ý rằng chị Mai tự nhận thức được tính lệch chuẩn của hành vi mình. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng "trâng tráo" - tính từ đứng cùng vị - trong ngữ cảnh này được dùng theo giọng ý thức (reported evaluation) của nhân vật, không hoàn toàn là giọng nhà báo. Sự đan xen giọng điệu này là đặc trưng của thể loại phóng sự điều tra cần được ghi nhận.

3.1.1.2. Các lớp từ ngữ đặc thù mang chức năng đánh giá

Ngoài từ loại, ngữ liệu cho thấy ba lớp từ vựng đặc thù đóng vai trò quan trọng trong hệ thống đánh giá của Đỗ Doãn Hoàng:

(a) Tiếng lóng: Với 12 đơn vị (7,9% trong 152 đơn vị lớp từ đặc thù), tiếng lóng được dùng có chủ đích để tái tạo "giọng điệu đường phố" và đặt người đọc vào ngữ cảnh. Các đơn vị như "gà móng đỏ" (gái mại dâm), "checker" (người kiểm tra chất lượng gái mại dâm), "lầm bụi" (sống lang thang) vừa có chức năng miêu tả vừa mang hàm lượng đánh giá xã hội. Tiếng lóng trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng thực hiện chức năng gì White (2025) gọi là "stance alignment" - neo người đọc vào phối cảnh của nhà báo-điều tra.

(b) Thành ngữ và biến thể thành ngữ: 30 đơn vị (19,7%) bao gồm cả thành ngữ chuẩn ("cơm niêu nước lọ", "sảy nhà ra thất nghiệp") và biến thể sáng tạo ("rách giời rơi xuống" thay vì "rách giời"). Thành ngữ trong phóng sự đảm nhiệm chức năng cô đọng đánh giá phức tạp thành hình thức quen thuộc, kích hoạt liên tưởng văn hóa ở người đọc và đồng thời tạo nhịp điệu kể chuyện đặc trưng của phóng sự Việt Nam.

(c) Từ ngữ xưng hô: Chiếm tỉ lệ cao nhất (110 đơn vị, 72,4%), hệ thống xưng hô trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng là nguồn lực NNĐG giàu sắc thái nhất. Nhà báo sử dụng đồng thời nhiều dạng thức: tên riêng (bà Loan, chị Mai) - tạo sự gần gũi, cá nhân hóa; đại từ phiếm chỉ (họ, bọn họ, chúng nó) - tạo khoảng cách đánh giá; danh từ chỉ nhóm (dân bụi đời, tú bà, tú ông, khách làng chơi) - mang hàm lượng phán xét xã hội rõ ràng. Sự chuyển đổi linh hoạt giữa các dạng thức xưng hô là một chiến lược lập trường quan trọng.

3.1.2. Phân bố của hệ thống Cảm xúc (Affect) trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng

Từ 45 đơn vị NNĐG thuộc Cảm xúc hiển ngôn được xác định, phân bố như sau:

Bảng 3. Phân bố các miền Cảm xúc (Affect) trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng

Miền Cảm xúc	Phân cực (-)	Phân cực (+)	Tổng	Tỉ lệ (%)
An toàn (Security)	16	4	20	44,4
Hạnh phúc (Happiness)	12	0	12	26,7
Mong muốn (Desire)	6	2	8	17,8
Thỏa mãn (Satisfaction)	4	1	5	11,1
Tổng	38 (84,4%)	7 (15,6%)	45	100,0

Kết quả nổi bật nhất là tỉ lệ phân cực tiêu cực rất cao (84,4%), với An toàn (-) chiếm ưu thế tuyệt đối (44,4% tổng số). Đặc biệt, toàn bộ 12 đơn vị biểu đạt Hạnh phúc đều mang giá trị âm. Các trường từ vựng tiêu biểu:

[VD3] "...chị sợ lắm, sợ con dao thì ít mà sợ nó thì nhiều" (PS-VGC, tr.20) → An toàn (-): sợ [điệp từ với cường độ tăng tiến]

[VD4] "Đời tôi thế này là khổ nhục hết cỡ rồi" (PS-VGC, tr.10) → Hạnh phúc (-): khổ nhục [gia tăng bởi tổ hợp "hết cỡ rồi"]

[VD5] "Chị Mai cũng muốn về quê, vì sợ cái cảnh lang bạt kỳ hồ..." (PS-VGC, tr.21) → Mong muốn (+): muốn - kết hợp với An toàn (-): sợ

VD5 thể hiện một đặc điểm quan trọng: trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng, các giá trị Cảm xúc tích cực thường xuất hiện trong các cấu trúc nhượng bộ ("cũng muốn... nhưng sợ") hoặc điều kiện giả định, tạo ra hiệu ứng hy vọng-bị-chặn mà Li & Wang (2025) gọi là "frustrated positive affect" - một kỹ thuật diễn ngôn hiệu quả trong báo chí điều tra để tạo sự đồng cảm của người đọc.

Xét ví dụ phức tạp hơn từ PS-NL:

[VD6] "Ba đứa con trai ông Quyên nằm lạnh ngắt trong ba chiếc bao nilon xám được trai tráng nước mắt trộn mồ hôi và mưa rừng khênh về cùng lúc." (PS-NL, tr.147)

Đây là một trường hợp Evoked Affect đáng chú ý: không có từ nào trực tiếp biểu đạt cảm xúc của nhà báo, nhưng hình ảnh "lạnh ngắt", "bao nilon xám", "nước mắt trộn mồ hôi và mưa rừng" gợi lên cảm xúc Hạnh phúc (-) và An toàn (-) mãnh liệt. Đây là dạng thái độ hàm ngôn (evoked attitude) không thuộc phạm vi của bài nghiên cứu này nhưng cần được ghi nhận để làm rõ ranh giới khảo sát.

3.1.3. Phân bố của hệ thống Phán xét hành vi (Judgement) trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng

Từ 57 đơn vị NNĐG thuộc Phán xét hành vi hiển ngôn, phân bố như sau:

Bảng 4. Phân bố các nhóm Phán xét hành vi (Judgement) trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng

Loại Phán xét	Nhóm	Phân cực (-)	Phân cực (+)	Tổng	Tỉ lệ (%)
Esteem xã hội	Tính thông thường	9 (90%)	1 (10%)	10	17,5
Esteem xã hội	Khả năng	0 (0%)	5 (100%)	5	8,8

Esteem xã hội	Kiên trì	8 (57,1%)	6 (42,9%)	14	24,6
Sanction xã hội	Tính thành thật	4 (44,4%)	5 (55,6%)	9	15,8
Sanction xã hội	Đạo đức	15 (79%)	4 (21%)	19	33,3
Tổng		36 (63,2%)	21 (36,8%)	57	100,0

Kết quả nổi bật: nhóm Đạo đức (Propriety) thuộc Sanction xã hội chiếm tỉ lệ cao nhất (33,3%), với phân cực tiêu cực gấp gần bốn lần tích cực. Điều này cho thấy phóng sự Đỗ Doãn Hoàng định hướng mạnh vào việc phán xét hành vi người theo chuẩn mực đạo đức - một đặc trưng của báo chí điều tra có chức năng giám sát xã hội.

[VD7] "Nó rẻ rúng đến mức, trưởng bản bảo, mạng người sao có giá trị bằng ba con trâu, bằng hai cái xe máy!" (PS-NL, tr.150) → Đạo đức (-): rẻ rúng [biểu đạt sự xúc phạm về đạo đức]

[VD8] "Chúng tôi có cảm giác, vì ông bà quá tử tế nên vết thương ấy chẳng thể nào lành..." (PS-VGC, tr.30) → Đạo đức (+): tử tế - nhưng đặt trong khung bi kịch, tạo nghịch lý thương cảm

[VD9] "Bà Loan quả là người biết thu vén gia đình và cuộc sống ở cái nơi mà người ta nói 'sảy nhà ra thất nghiệp'." (PS-VGC, tr.14) → Khả năng (+): biết thu vén - nhưng hoàn cảnh (vô gia cư) tạo sắc thái Affect tiêu cực xen lẫn

Đáng chú ý là nhóm Kiên trì (Tenacity) có tỉ lệ phân cực khá cân bằng (57,1% vs 42,9%), phản ánh thế giới quan phức tạp trong phóng sự: bên cạnh những nhân vật kiên trì theo hướng tiêu cực (bám trụ nghề mại dâm, cố chấp không về quê), luôn có những nhân vật duy trì sức sống đáng khâm phục trong nghịch cảnh. Điều này ngăn phóng sự của Đỗ Doãn Hoàng khỏi rơi vào giọng lên án một chiều.

Nhóm Tính thành thật (Veracity) có điểm đặc biệt: phân cực tích cực nhỉnh hơn tiêu cực (55,6% vs 44,4%). Tuy nhiên, khi phân tích kỹ, các trường hợp Veracity (+) phần lớn xuất hiện trong lời trực tiếp của nhân vật ("thú nhận", "nói thật") trong khi Veracity (-) thuộc về giọng nhà báo đánh giá người khác ("ngụy biện", "lừa lọc", "điêu ngoa"). Sự phân bố chủ thể đánh giá này là dữ liệu quan trọng về chiến lược lập trường diễn ngôn.

3.4. Tổng hợp và đặc trưng diễn ngôn báo chí

Nhìn tổng thể, phân bố của hai hệ thống Cảm xúc và Phán xét hành vi cho thấy:

Bảng 5. Tổng hợp phân bố Thái độ trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng

Hệ thống Thái độ	Phân cực (-)	Phân cực (+)	Tổng	Tỉ lệ (%)
Cảm xúc (Affect)	38 (84,4%)	7 (15,6%)	45	44,1
Phán xét hành vi (Judgement)	36 (63,2%)	21 (36,8%)	57	55,9
Tổng	74 (72,5%)	28 (27,5%)	102	100,0

Tỉ lệ phân cực tiêu cực tổng thể (72,5%) xác nhận phóng sự Đỗ Doãn Hoàng thuộc loại "negative stance discourse" theo phân loại của White (2025). Tuy nhiên, con số 27,5% phân cực tích cực cũng không nhỏ, cho thấy đây không phải là diễn ngôn phê phán thuần túy. Sự xuất hiện có chọn lọc của Phán xét tích cực (về đạo đức, khả năng của các nhân vật yếu thế) tạo ra hiệu ứng cân bằng nhân văn - một đặc trưng phong cách riêng của Đỗ Doãn Hoàng so với các nhà báo điều tra khác.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Chiến lược định vị lập trường của nhà báo điều tra

Kết quả phân tích cho phép nhận diện ba chiến lược lập trường chính trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng. Thứ nhất, chiến lược "thấu cảm chứ không lên án": nhà báo chủ yếu dùng ngôn ngữ biểu đạt Cảm xúc tiêu cực (sợ hãi, đau khổ, tuyệt vọng) - vốn là cảm xúc của nhân vật hoặc

được nhà báo chia sẻ - thay vì dùng ngôn ngữ phán xét một chiều. Điều này tạo ra hiệu ứng đồng cảm (empathy) thay vì phán xét (condemnation).

Thứ hai, chiến lược "phán xét qua chuẩn mực": phần lớn Phán xét hành vi tiêu cực được đặt trong so sánh ngầm với chuẩn mực đạo đức xã hội, không phải ý kiến cá nhân của nhà báo. Đây là dạng "heteroglossic appraisal" (Martin & White, 2005) - đánh giá được thực hiện qua tiếng nói của chuẩn mực xã hội chứ không phải giọng độc đoán của nhà báo.

Thứ ba, chiến lược "ánh sáng trong bóng tối": Phán xét tích cực về Kiên trì và Đạo đức của các nhân vật yếu thế (bà Loan, ông Sơn, anh Tiêu) được đặt xen kẽ giữa các Phán xét tiêu cực, tạo ra cấu trúc đánh giá phức điệu (heteroglossic) ngăn diễn ngôn rơi vào chủ nghĩa bi quan xã hội.

3.2.2. So sánh với diễn ngôn báo chí điều tra trong nghiên cứu quốc tế

Những đặc điểm trên của phóng sự Đỗ Doãn Hoàng có điểm tương đồng với các phát hiện của White (2025) về báo chí "persuasive stance" và Li & Wang (2025) về báo chí biến đổi khí hậu: đều sử dụng đậm đặc Thái độ tiêu cực như công cụ kiến tạo thuyết phục. Tuy nhiên, điểm khác biệt rõ ràng là phóng sự tiếng Việt của Đỗ Doãn Hoàng ít dùng Graduation để tăng cường cường độ đánh giá (ít thang độ tường minh) hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào sự cộng hưởng của hệ thống từ xưng hô và thành ngữ - các đặc trưng ngôn ngữ-văn hóa riêng của tiếng Việt.

4. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích 102 đơn vị NNĐG Thái độ hiển ngôn trong ba nhóm bài phóng sự của Đỗ Doãn Hoàng theo khung Appraisal (Martin & White, 2005), nghiên cứu rút ra một số kết luận sau:

Về nguồn lực ngôn ngữ, tính từ và động từ là hai từ loại chủ yếu hiện thực hóa ý nghĩa đánh giá Thái độ trong phóng sự, bổ sung bởi các lớp từ đặc thù gồm tiếng lóng, thành ngữ và từ xưng hô. Sự đa dạng của nguồn lực NNĐG phản ánh tính phức tạp của diễn ngôn phóng sự điều tra tiếng Việt.

Về hệ thống Cảm xúc, nhóm An toàn (-) và Hạnh phúc (-) chiếm ưu thế tuyệt đối (với 100% đơn vị Hạnh phúc mang phân cực tiêu cực), thể hiện chiến lược xây dựng đồng cảm thay vì phán xét trong phóng sự Đỗ Doãn Hoàng.

Về hệ thống Phán xét hành vi, nhóm Đạo đức (Propriety) - thuộc Sanction xã hội - chiếm tỉ lệ cao nhất (33,3%) và có phân cực tiêu cực mạnh, phản ánh chức năng phê phán xã hội của thể loại phóng sự điều tra. Đồng thời, sự cân bằng tương đối của nhóm Kiên trì và Thành thật cho thấy nhà báo duy trì cái nhìn đa chiều, không rơi vào chủ nghĩa bi quan đơn giản hóa.

Về đặc trưng diễn ngôn, phân tích xác nhận rằng Đỗ Doãn Hoàng vận dụng các nguồn lực NNĐG như một chiến lược thuyết phục xã hội (social persuasion), kết hợp giọng thấu cảm (empathic voice) với giọng phê phán xã hội (critical voice) để tạo ra diễn ngôn phóng sự vừa có sức rung cảm vừa có giá trị phản biện.

Những phát hiện này góp phần làm phong phú thêm lý thuyết phân tích diễn ngôn báo chí tiếng Việt theo hướng ngôn ngữ học chức năng, đồng thời cung cấp cơ sở phân tích phong cách học cho việc nghiên cứu và đào tạo nghề báo chí điều tra tại Việt Nam.

Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo: Nghiên cứu này có một số hạn chế cần ghi nhận. Thứ nhất, phạm vi ngữ liệu (3 nhóm bài phóng sự, khoảng 24.800 từ) chưa đủ lớn để rút ra kết luận mang tính đại diện cho toàn bộ phong cách phóng sự của Đỗ Doãn Hoàng. Thứ hai, nghiên cứu mới khảo sát thái độ hiển ngôn; phần hàm ngôn (evoked attitude) chứa đựng nhiều chiến lược đánh giá tinh tế hơn cần được phân tích trong các công trình tiếp theo. Thứ ba, chưa so sánh

được với các nhà báo điều tra khác cùng thời kỳ để xác định đặc trưng phong cách cá nhân so với đặc trưng thể loại. Hướng nghiên cứu tiếp theo bao gồm: (1) mở rộng ngữ liệu và phân tích Appreciation; (2) phân tích hệ thống Engagement và Graduation; (3) nghiên cứu so sánh với diễn ngôn phóng sự của các nhà báo khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Vân (2004), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hương Lan (2018), *Nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá trong sách giáo khoa bậc tiểu học (So sánh sách giáo khoa tiểu học ở Singapore và sách tiếng Việt tiểu học ở Việt Nam)*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trần Văn Sáng (2024), Vận dụng lý thuyết ngôn ngữ đánh giá vào xây dựng bài tập đọc hiểu văn bản truyện trong môn Tiếng Việt ở tiểu học, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, tr.613-625.
4. Trần Văn Sáng & Vũ Thị Thúy Hòa (2024), Ngôn ngữ đánh giá "Thái độ" trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, trong *Kỷ yếu hội thảo Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại, lí thuyết và ứng dụng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.709-725.
5. Hood, S. (2004), *Appraising Research: Taking a stance in academic writing*, PhD thesis, University of Technology Sydney.
6. Li, X., & Wang, Y. (2025), Appraisal theory assessment of stance in climate change news discourses in China Daily and The New York Times, *Cogent Social Sciences*. https://doi.org/10.1080/23311983.2025.2480482
7. Martin, J. R., & Rose, D. (2005), Designing Literacy Pedagogy: Scaffolding Democracy in the Classroom, in Hasan, R., Matthiessen, C.M.I.M. & Webster, J.J. (eds), *Continuum Discourse on Language: A Functional Perspective* (Vol. 1), London.
8. Martin, J. R., & White, P. R. R. (2005), *The Language of Evaluation: Appraisal in English*, Palgrave Macmillan, London/New York.
9. Ngô, T.B.T. (2013), *The deployment of the language of evaluation in English and Vietnamese spoken discourse*, PhD dissertation, Macquarie University, Australia.
10. White, P. R. R. (2025), Appraisal theory and the analysis of point of view in news and views journalism - unpacking journalistic "persuasiveness", *Language & Communication*. https://doi.org/10.1016/j.langcom.2024.11.005

Ngữ liệu

1. Đỗ Doãn Hoàng (2021), *Đi hoang qua miền hoa lệ*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội

THÔNG TIN TÁC GIẢ

ThS - NCS. Nguyễn Thị Bé

Trường Đại học Khánh Hoà

Email: behanhnguyen8@gmail.com

PGS.TS. Trần Văn Sáng

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: tvsang@ued.udn.vn